

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 48/2025/DS-ST

Ngày 06-02-2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thanh Tân và bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1202/2024/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 828/2024/QĐXXST-DS, ngày 23 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ B, ấp P, xã C, huyện T, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Bà Trương Ngọc T, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Địa chỉ: số A đường B, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị P trình bày tại các lần hòa giải:

Do quen biết nên bà có cho bà Trương Ngọc T vay tiền nhiều lần, tổng cộng 5.250.000.000 đồng, mục đích vay là đảo nợ Ngân hàng cho ông Trương Vĩnh N; thời hạn vay ngắn hạn, chỉ từ 03 đến 05 ngày; lãi suất thỏa thuận là 05%/ngày. Khi vay tiền, bà T có ký tên vào “Giấy mượn tiền” và có nhận đủ số tiền 5.250.000.000 đồng, thông qua chuyển khoản, cụ thể:

L, vào lúc 10 giờ 08 phút ngày 05/5/2023, Huỳnh Thị P chuyển khoản cho

Trương Ngọc T qua số tài khoản 6700797907979, với số tiền 2.000.000.000 đồng;

Lần 02, vào lúc 10 giờ 10 phút ngày 05/5/2023, Huỳnh Thị P chuyển khoản cho Trương Ngọc T qua số tài khoản 6700797907979, với số tiền 2.000.000.000 đồng;

Lần 03, vào ngày 09/5/2023, bà T nhận chuyển khoản số tiền 1.250.000.000 đồng, theo Giấy mượn tiền ngày 09/5/2023, thời hạn đến ngày 18/5/2023.

Từ khi nhận tiền đến nay, bà T không đóng lãi và sau khi đảo nợ Ngân hàng cho ông N xong thì bà T không trả tiền cho bà, bà T có hành vi vi phạm nhiều lý do để né.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết: Yêu cầu bà T phải trả số tiền vốn 5.250.000.000 đồng, lãi suất 10%/năm đối với 03 ngày trong hạn từ ngày 06/6/2023 đến ngày 08/6/2023 là 4.315.000 đồng, tính lãi quá hạn theo mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn từ ngày 09/6/2023 đến ngày 23/12/2024 là 1.216.849.000 đồng. Và yêu cầu tính lãi tiếp tục từ ngày 24/12/2024 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, và tiếp tục tính lãi đến ngày thi hành án xong theo mức lãi suất nợ quá hạn là 15%/năm.

Trước đây bà yêu cầu lãi suất 20%/năm, nay bà xác định lại rút một phần yêu cầu thay vì lãi suất 20%/năm thì yêu cầu lãi trong hạn 03 ngày đầu là 10%/năm, bắt đầu ngày thứ tư lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn là 15%/năm.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu tính lãi 03 ngày trong hạn theo mức lãi suất 10%/năm từ ngày 06/6/2023 đến ngày 08/6/2023, từ ngày 09/6/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là lãi suất quá hạn theo mức lãi suất 15%/năm và yêu cầu tiếp tục tính lãi từ sau ngày xét xử sơ thẩm đến khi thi hành án xong.

Bị đơn vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn bà P đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn bà T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất từ 20%/năm còn 10%/năm và yêu cầu tính từ ngày 06/6/2023 là phù hợp, không

vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận căn cứ khoản 1 Điều 244 BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015, Điều 5, Điều 6, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/HĐTP-TANDTC ngày 11/01/2019, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Trương Ngọc T có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị P số tiền vốn gốc là 5.250.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn theo mức lãi suất 10%/năm từ ngày 06/6/2023 đến ngày 08/06/2023 và tiền lãi theo mức lãi suất 15%/năm từ ngày 09/6/2023 đến ngày 06/02/2025. Kể từ ngày 07/02/2025 đến khi thanh toán xong, bị đơn phải tiếp tục chịu lãi theo mức lãi suất 15%/năm.

Đề nghị đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Biên nhận, sao kê, chứng từ giao dịch, biên bản xác minh, văn bản cung cấp thông tin số tài khoản của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là về hợp đồng vay tài sản; bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn thành phố L, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không lý do không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Theo đơn khởi kiện bà P yêu cầu lãi suất 20%/năm, nay bà có thay đổi yêu cầu với lãi suất 15%/năm. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu vẫn nằm trong phạm vi khởi kiện, nên Hội đồng xét xử vẫn xét xử là phù hợp quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận định:

Tại Giấy mượn tiền ngày 06/6/2025 do bà T tự viết tự ký tên có nội dung bà T có mượn bà P số tiền 5.250.000.000 đồng, thời hạn 03 ngày, có thỏa thuận

lãi suất, nhưng không ghi rõ mức lãi suất. Ngoài ra, nguyên đơn còn cung cấp 03 chứng từ giao dịch thể hiện ngày 05/5/2023 và ngày 09/5/2023 bà P có chuyển vào số tài khoản 6700797907979, tổng cộng 5.250.000.000 đồng (số tài khoản này được Ngân hàng N1 cung cấp thông tin là của bà Trương Ngọc T), 03 chứng từ giao dịch này khớp với số tiền trong Giấy mượn tiền ngày 06/6/2023. Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định: giữa bà P với bà T có giao kết hợp đồng vay tài sản, bà P là người cho vay, bà T là người vay, hợp đồng vay có thời hạn và có lãi. Tuy nhiên, biên nhận không xác định rõ lãi suất, căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”. Đối chiếu với trường hợp này thì lãi suất mà bà P yêu cầu lãi trong hạn là 10%/năm là có căn cứ.

Xét, hợp đồng vay tài sản giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự do, tự nguyện thỏa thuận, không bị ép buộc, không bị lừa dối, có nội dung và hình thức không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên. Đã quá thời hạn trả nợ nhưng bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên bà Phấn khởi K yêu cầu trả vốn, trả lãi trong hạn theo mức lãi suất 10%/năm là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và lãi suất quá hạn 15%/năm là phù hợp quy định pháp luật tại điểm b khoản 5 Điều 466 của Bộ Luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Lãi suất được tính như sau:

1. Lãi suất trong hạn: Từ ngày 06/6/2023 đến 08/6/2023 là 03 ngày với mức lãi suất 10%/năm:

$$5.250.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 3 \text{ ngày} = 4.315.000 \text{ đồng}.$$

2. Lãi suất quá hạn: Từ ngày 09/6/2023 đến 06/02/2025 là 609 ngày với mức lãi suất 15%/năm:

$$5.250.000.000 \text{ đồng} \times 15\%/năm \times 609 \text{ ngày} = 1.313.938.000 \text{ đồng}.$$

Lãi trong hạn và quá hạn là:

$$4.315.000 \text{ đồng} + 1.313.938.000 \text{ đồng} = 1.318.253.000 \text{ đồng}.$$

Tổng vốn, lãi là:

$$5.250.000.000 \text{ đồng} + 1.318.253.000 \text{ đồng} = 6.568.253.000 \text{ đồng}.$$

Buộc bà T phải có nghĩa vụ trả cho bà P số tiền này.

[3] Về án phí dân sự:

Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định trên số tiền bị buộc trả (6.568.253.000 đồng) là 114.568.000 đồng.

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn Huỳnh Thị P được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, khoản 5 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị P đối với bà Trương Ngọc T. Buộc bà Trương Ngọc T có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị P số tiền 6.568.253.000 đồng.

Kể từ ngày 07/02/2025 cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn bằng trong 150% lãi suất trong hạn tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 (15%/năm).

2. Về án phí:

- Bà Trương Ngọc T phải chịu 114.568.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Huỳnh Thị P được nhận lại 56.625.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0001831 ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành

án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TPLX;
- Chi cục THADS TPLX;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Thi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thanh Tân Nguyễn Thị Tuyết Hồng

Lê Thị Hồng Thi

